UBND TỈNH ĐỒNG NAI
CÔNG VĂN ĐẾN Số: 4212A
Ngày 4/9/07
Chuyển

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 138/2007/NĐ-CP	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH
Về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 02 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 5 năm 2004;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Vốn hoạt động" là tổng số vốn chủ sở hữu và vốn huy động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương tại một thời điểm.

2. "Đầu tư trực tiếp vào các dự án" là việc Quỹ đầu tư phát triển địa phương sử dụng vốn hoạt động của mình để đầu tư vào các dự án; trong đó, Quỹ có thể trực tiếp quản lý dự án theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

3. "Cho vay hợp vốn" là việc Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các tổ chức khác cùng cho vay vốn đầu tư một dự án, trong đó Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoặc một tổ chức khác đứng ra làm đầu mối phối hợp và thực hiện cho vay.

Điều 3. Địa vị pháp lý của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương là một tổ chức tài chính Nhà nước của địa phương; thực hiện chức năng đầu tư tài chính và đầu tư phát triển. Quỹ đầu tư phát triển địa phương có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối kế toán riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2. Tên gọi của Quỹ đầu tư phát triển địa phương là: Quỹ đầu tư phát triển, ghép với tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 4. Phạm vi hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

Quỹ đầu tư phát triển địa phương được thực hiện các hoạt động sau:

1. Huy động vốn trung, dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

2. Đầu tư, bao gồm đầu tư trực tiếp vào các dự án; cho vay đầu tư; góp vốn thành lập doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội;

3. Ủy thác cho vay đầu tư, thu hồi nợ; nhận uỷ thác quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay đầu tư, thu hồi nợ, cấp phát vốn đầu tư, phát hành trái phiếu chính quyền địa phương để huy động vốn cho ngân sách địa phương theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

Điều 5. Quản lý của Nhà nước đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương, quy định về tổ chức bộ máy, phê duyệt Điều lệ hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, trực tiếp quản lý hoạt động và quyết định các vấn đề khác của Quỹ đầu tư phát triển địa phương thuộc thẩm quyền quy định tại Nghị định này và pháp luật hiện hành.

2. Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính; ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương; ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương; thực hiện giám sát, kiểm tra, thanh tra hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Chương II
HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

Mục 1
ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀO CÁC DỰ ÁN

Điều 6. Đối tượng đầu tư

Đối tượng đầu tư trực tiếp là các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng thuộc các chương trình, mục tiêu theo chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) thông qua, bao gồm:

1. Các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật;

2. Các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao; các dự án phụ trợ bên ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao;

3. Các dự án đầu tư xây dựng nhà ở và các dự án phát triển khu đô thị mới;

4. Các dự án bảo vệ và cải tạo môi trường;

5. Các dự án đầu tư trọng điểm khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 7. Điều kiện đầu tư

1. Dự án đầu tư đã được quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Dự án đầu tư phải có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.

Điều 8. Phương thức đầu tư

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương có thể thực hiện đầu tư với tư cách là chủ đầu tư hoặc tham gia góp vốn với các tổ chức khác để đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương có thể trực tiếp quản lý dự án đầu tư hoặc thuê các tổ chức chuyên môn quản lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Hình thức đầu tư

1. Tuỳ từng điều kiện cụ thể, Quỹ đầu tư phát triển địa phương lựa chọn các hình thức đầu tư sau đây:

a) Đầu tư theo các hình thức: hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) theo quy định của pháp luật;

b) Tìm kiếm dự án, thực hiện các công việc chuẩn bị đầu tư sau đó thực hiện đầu tư, hoặc chuyển nhượng lại dự án cho chủ đầu tư khác thực hiện đầu tư.

2. Việc đầu tư của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định đầu tư

1. Mức vốn đầu tư đối với một dự án đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định.

2. Mức vốn đầu tư đối với một dự án trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Mục 2
CHO VAY ĐẦU TƯ

Điều 11. Đối tượng cho vay

Đối tượng cho vay là các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng có phương án thu hồi vốn trực tiếp thuộc các chương trình, mục tiêu theo chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua, bao gồm:

1. Các dự án về: giao thông; cấp nước; nhà ở khu đô thị, khu dân cư; di chuyển sắp xếp lại các cơ sở sản xuất; xử lý rác thải của các đô thị;

2. Các dự án quan trọng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 12. Điều kiện cho vay

Quỹ đầu tư phát triển địa phương chỉ cho vay khi chủ đầu tư bảo đảm có đủ các điều kiện sau đây:

1. Đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật;

2. Có phương án sản xuất, kinh doanh có lãi và phương án bảo đảm trả được nợ;

3. Có cam kết mua bảo hiểm đối với tài sản hình thành từ vốn vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc tại một công ty bảo hiểm được phép hoạt động tại Việt Nam;

4. Chủ đầu tư là các tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định cho vay đầu tư

1. Mức vốn cho vay đối với một dự án đến 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định.

2. Mức vốn cho vay đối với một dự án trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 14. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay được xác định theo khả năng thu hồi vốn phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng dự án và khả năng trả nợ của chủ đầu tư nhưng tối đa là 15 năm. Trường hợp đặc biệt vay trên 15 năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 15. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương đối với các dự án theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước.

2. Lãi suất cho vay lại đối với các dự án sử dụng nguồn vốn vay ODA thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý vay và trả nợ nước ngoài.

Điều 16. Bảo đảm tiền vay

Tuỳ thuộc vào từng dự án cụ thể, Quỹ đầu tư phát triển địa phương sử dụng các biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Quy định về cho vay hợp vốn

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được làm đầu mối cho vay hợp vốn hoặc cùng hợp vốn với tổ chức tín dụng và tổ chức khác để cho vay dự án.

2. Việc cho vay hợp vốn phải lập thành hợp đồng và phải tuân theo quy định tại các Điều 11, 12, 13, 14, 15 và Điều 16 Nghị định này.

Điều 18. Phân loại nợ, trích lập Quỹ dự phòng xử lý rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư

Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện phân loại nợ, trích dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư như các tổ chức tín dụng.

Điều 19. Xử lý rủi ro

Rủi ro xảy ra cho các dự án vay vốn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do nguyên nhân khách quan được xử lý như sau:

1. Trường hợp do chính sách Nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của dự án mà dẫn đến việc chủ đầu tư gặp khó khăn trong trả nợ vay thì chủ đầu tư được xem xét gia hạn nợ; xoá, giảm lãi tiền vay; khoanh nợ;

2. Trường hợp thiên tai, hoả hoạn, tai nạn do nguyên nhân khách quan gây thiệt hại tài sản mà chủ đầu tư không trả được nợ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, thì việc xử lý rủi ro được thực hiện theo trình tự như sau:

a) Sử dụng các nguồn tài chính của chủ đầu tư theo quy định để thu hồi nợ;

b) Tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có);

c) Được xem xét, xoá nợ một phần hoặc toàn bộ số nợ vay còn lại.

Điều 20. Thẩm quyền xử lý rủi ro

1. Cấp nào quyết định cho vay thì quyết định gia hạn nợ. Thời gian gia hạn nợ tối đa không vượt quá 1/3 thời hạn của khoản vay.

2. Hội đồng quản lý quyết định việc xoá nợ lãi.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc khoanh nợ, xoá nợ gốc. Trường hợp xoá nợ, sau khi quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Mục 3
GÓP VỐN THÀNH LẬP CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ

Điều 21. Hình thức góp vốn

Quỹ đầu tư phát triển địa phương được góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc các chương trình, mục tiêu theo chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua.

Điều 22. Thẩm quyền quyết định góp vốn

1. Mức vốn góp đối với một doanh nghiệp đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định.

2. Mức vốn góp đối với một doanh nghiệp trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Mục 4
NHẬN UỶ THÁC VÀ ỦY THÁC

Điều 23. Nhận uỷ thác

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được nhận uỷ thác: quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay đầu tư và thu hồi nợ, cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận uỷ thác giữa Quỹ đầu tư phát triển địa phương với tổ chức, cá nhân ủy thác.

2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được nhận ủy thác quản lý hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quỹ phát triển nhà ở do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập.

3. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được thực hiện phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để huy động vốn cho ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được hưởng phí dịch vụ nhận uỷ thác. Mức phí cụ thể được thoả thuận và ghi trong hợp đồng nhận uỷ thác.

Điều 24. Ủy thác

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được uỷ thác cho các tổ chức tín dụng và Ngân hàng phát triển Việt Nam thực hiện cho vay và thu hồi nợ một số dự án thuộc đối tượng vay vốn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương thông qua hợp đồng uỷ thác giữa Quỹ đầu tư phát triển địa phương với tổ chức nhận uỷ thác.

2. Các tổ chức nhận uỷ thác được hưởng phí dịch vụ uỷ thác. Mức phí cụ thể được thoả thuận và ghi trong hợp đồng uỷ thác.

Mục 5
GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Điều 25. Giới hạn đầu tư

1. Giới hạn tỷ lệ vốn đầu tư trực tiếp vào các dự án của Quỹ đầu tư phát triển địa phương tối đa bằng 50% vốn hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương tại thời điểm thực hiện;

2. Giới hạn cho vay đối với một dự án tối đa bằng 15% vốn hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương tại thời điểm thực hiện.

3. Giới hạn đầu tư góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế tối đa bằng 20% vốn hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương tại thời điểm thực hiện.

Chương III
VỐN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 26. Vốn chủ sở hữu

1. Nguồn hình thành vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương bao gồm:

a) Vốn điều lệ: được bố trí trong dự toán chi ngân sách hoặc nguồn tăng thu ngân sách địa phương hàng năm và được bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 40 Nghị định này;

b) Tiền đóng góp tự nguyện, các khoản viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật để hình thành vốn chủ sở hữu.

2. Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và thông báo cho Bộ Tài chính; nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định này.

Điều 27. Vốn huy động

Quỹ đầu tư phát triển địa phương được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước, bao gồm:

1. Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước. Việc vay vốn ngoài nước thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài;

2. Phát hành trái phiếu Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của pháp luật;

3. Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Giới hạn huy động vốn

Tổng mức vốn huy động theo các hình thức quy định tại Điều 27 Nghị định này tối đa bằng 6 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương tại cùng thời điểm.

Điều 29. Vốn nhận uỷ thác

Vốn nhận uỷ thác theo quy định tại Điều 23 Nghị định này không thuộc vốn hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Chương IV
TỔ CHỨC CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 30. Điều kiện thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Có Đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua.

2. Số vốn điều lệ tối thiểu phải có tại thời điểm thành lập là 100 (một trăm) tỷ đồng.

3. Bộ máy hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

4. Giám đốc và các Phó giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải có bằng đại học thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính hoặc ngân hàng; đồng thời, phải có tối thiểu 3 năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng hoặc đầu tư.

5. Trưởng Ban kiểm soát Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải có bằng đại học thuộc một trong các ngành tài chính, kế toán, ngân hàng; đồng thời phải có tối thiểu 3 năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực tài chính, kế toán, ngân hàng.

Điều 31. Trình tự thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng Đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua. Đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương bao gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về sự cần thiết thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương; quy mô, phạm vi hoạt động; cơ cấu tổ chức của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

b) Phương án cấp vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương phù hợp với hướng dẫn tại Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Bộ Tài chính ban hành;

d) Dự kiến phương án hoạt động trong 02 (hai) năm đầu kèm theo danh mục các dự án dự kiến đầu tư tại thời điểm xét duyệt;

đ) Thuyết minh về cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương đáp ứng được các yêu cầu quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 30 Nghị định này.

2. Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ra quyết định thành lập, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải báo cáo Bộ Tài chính biết và công bố rộng rãi việc thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và Trung ương.

Điều 32. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, bảo toàn và phát triển vốn, tự bù đắp chi phí và tự chịu rủi ro. Ngân sách nhà nước không cấp kinh phí cho hoạt động của bộ máy của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của mình.

Điều 33. Trách nhiệm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Thực hiện đầu tư trong phạm vi kế hoạch và cơ cấu đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trong từng thời kỳ, phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua.

2. Sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích.

3. Thực hiện đúng chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo luật định; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.

5. Mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

6. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Điều 34. Quyền hạn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu và phạm vi hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của Nghị định này.

2. Được lựa chọn các dự án có hiệu quả phù hợp với kế hoạch và cơ cấu đầu tư của Ủy ban nhân cấp tỉnh để quyết định đầu tư. Trường hợp đặc biệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

3. Được tuyển chọn, bố trí, sử dụng, đào tạo lao động và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

4. Được từ chối mọi yêu cầu của bất cứ cá nhân hay tổ chức nào về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực khác của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

5. Được liên hệ với các ngành chức năng, các đơn vị có liên quan trên địa bàn để tìm kiếm, xây dựng các dự án đầu tư.

6. Được mời và tiếp các đối tác đầu tư, kinh doanh nước ngoài, được cử cán bộ và nhân viên của Quỹ đầu tư phát triển địa phương ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan, khảo sát theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương tổ chức theo mô hình hoạt động độc lập.

2. Tổ chức bộ máy của Quỹ đầu tư phát triển địa phương bao gồm: Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và bộ máy điều hành.

Điều 36. Thành phần Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý có tối đa 7 người. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tế quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản lý theo nguyên tắc số lượng thành viên Hội đồng quản lý phải là số lẻ.

2. Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

3. Thành phần, cơ cấu, tiêu chuẩn, số lượng, nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản lý được quy định tại Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Điều 37. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý

1. Xem xét và thông qua phương hướng hoạt động, kế hoạch huy động vốn, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; thẩm tra và thông qua báo cáo quyết toán của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật, thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

3. Xem xét, thông qua khung lãi suất cho vay đầu tư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

4. Xem xét, quyết định đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền.

5. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương cho phù hợp với yêu cầu thực tế và các quy định hiện hành của pháp luật.

6. Xem xét, giải quyết các khiếu nại của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

7. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát quỹ đầu tư phát triển địa phương; quyết định các thành viên khác của Ban Kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

8. Ban hành Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý.

9. Ban hành quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

10. Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Điều 38. Ban kiểm soát Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách chế độ và nghiệp vụ hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

b) Lập kế hoạch thực hiện và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra trước Hội đồng quản lý. Trưởng Ban Kiểm soát có quyền đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc trong trường hợp không được Chủ tịch Hội đồng quản lý chấp thuận thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triệu tập phiên họp bất thường để báo cáo những vấn đề khẩn cấp làm phương hại đến hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

c) Trình bày báo cáo, kiến nghị của mình về kết quả kiểm soát, kết quả thẩm định về quyết toán tài chính tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý nhưng không tham gia biểu quyết.

2. Ban Kiểm soát có tối đa 5 thành viên, được hưởng phụ cấp và các quyền lợi khác theo quy định của Hội đồng quản lý.

Điều 39. Bộ máy điều hành của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Bộ máy điều hành của Quỹ đầu tư phát triển địa phương gồm Ban Giám đốc (Giám đốc, Phó Giám đốc) và các Phòng, Ban nghiệp vụ.

2. Giám đốc Quỹ là Uỷ viên của Hội đồng quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, là người đại diện pháp nhân của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Phó Giám đốc và kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

4. Việc tổ chức các Phòng, Ban Nghiệp vụ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Hội đồng quản lý quyết định căn cứ thực tế hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, phù hợp với hướng dẫn tại Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

5. Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Quản lý và điều hành các hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, pháp luật của Nhà nước và các quyết định của Hội đồng quản lý;

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

c) Chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Hội đồng quản lý; ký các văn bản thuộc phạm vi điều hành của Giám đốc Quỹ;

d) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột suất về tình hình hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương với Hội đồng quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Tài chính;

đ) Trực tiếp quản lý tài sản, vốn hoạt động và chịu trách nhiệm bảo toàn phát triển vốn, tài sản của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh trưởng phòng, ban nghiệp vụ và tương đương trở xuống;

g) Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương.

Chương V
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Điều 40. Chế độ tài chính

1. Năm tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Khoản trích dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi theo quy định áp dụng cho doanh nghiệp nhà nước.

4. Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

5. Kết quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương là khoản chênh lệch giữa tổng các khoản phải thu và tổng các khoản phải trả hợp lý, hợp lệ. Trường hợp tổng doanh thu lớn hơn tổng số chi phí, phần chênh lệch này được phân phối theo trình tự sau:

a) Bù đắp các khoản lỗ luỹ kế đến thời điểm quyết toán;

b) Trừ các khoản tiền phạt do vi phạm pháp luật thuộc trách nhiệm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; khi số dư quỹ bằng 25% vốn điều lệ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương thì không trích nữa;

d) Phần chênh lệch sau khi đã trừ các khoản quy định tại Mục a, b, và c khoản 5 Điều này được trích theo thứ tự sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển tối thiểu 30%;

- Trích tối đa 5% lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Quỹ đầu tư phát triển địa phương. Mức trích tối đa không quá 500 triệu đồng;

- Trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện. Mức trích cụ thể do Hội đồng quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định;

- Phần chênh lệch còn lại được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển.

6. Mục đích sử dụng các quỹ

a) Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong hoạt động;

b) Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ;

c) Quỹ khen thưởng được dùng để thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho cán bộ, nhân viên trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác;

d) Quỹ phúc lợi được dùng để chi cho các hoạt động, công trình phúc lợi công cộng của cán bộ, nhân viên; phúc lợi xã hội;

đ) Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành được sử dụng để thưởng cho Hội đồng quản lý và Ban Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Điều 41. Chế độ kế toán, kiểm toán

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê, báo cáo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Báo cáo tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải được một tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể chế độ kế toán, cơ chế quản lý tài chính, chế độ báo cáo đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 43. Sắp xếp lại các Quỹ đầu tư phát triển địa phương đang hoạt động thí điểm

1. Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các Quỹ đầu tư phát triển địa phương đang hoạt động thí điểm phải thực hiện đăng ký lại Điều lệ tổ chức và hoạt động và tổ chức lại các hoạt động theo quy định tại Nghị định này.

2. Tối đa trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, Quỹ đầu tư phát triển địa phương có vốn điều lệ thực có dưới 100 (một trăm) tỷ đồng phải bổ sung đủ vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định này. Sau thời hạn này, Quỹ đầu tư phát triển địa phương có vốn điều lệ thực có thấp hơn 100 (một trăm) tỷ đồng phải chấm dứt hoạt động.

3. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện chuyển đổi hoạt động theo mô hình độc lập theo quy định của Nghị định này. Căn cứ vào tính chất hoạt động, Quỹ có thể thành lập bộ máy điều hành đầy đủ theo quy định tại Điều 39 của Nghị định hoặc ủy thác cho các tổ chức khác thực hiện một số hoạt động nghiệp vụ như: thẩm định dự án, giải ngân, thu nợ, quản lý vốn đầu tư.

Điều 44. Hướng dẫn thực hiện

Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 45. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

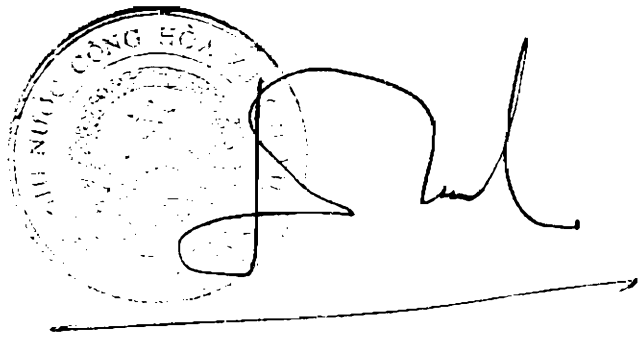

Nguyễn Tấn Dũng

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Website Chính phủ, Ban Điều hành 112, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b).Trang 310